

Số: 02/KL-T.Tr

Phú Riềng, ngày 25 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật trong đầu tư xây dựng các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Long Hà

Thực hiện Quyết định số 09/QĐ-T.Tr ngày 15/05/2024 của Chánh Thanh tra huyện về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư xây dựng các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Long Hà (Gọi tắt Đoàn Thanh tra số 09).

Qua xem xét Báo cáo số 01/BC-ĐT.Tr ngày 13/8/2024 của Đoàn Thanh tra số 09, Dự thảo kết luận thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra 09, Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

PHẦN I: KHÁI QUÁT CHUNG

Xã Long Hà có diện tích tự nhiên 9.378,85 ha, cách trung tâm huyện 11km, xã có 15 thôn (thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 5A, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11, thôn Thanh Long, thôn Phú Mang 1, Thôn Phú Mang 3, thôn Bù Ka 1 và thôn Bù Ka 2). Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau: Phía Đông giáp xã Bù Nho và Long Tân, phía Tây giáp xã Long Bình, phía Nam giáp xã Thanh An, huyện Hớn Quản, phía Bắc giáp xã Long Hưng.

Để chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, UBND xã Long Hà đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và ban hành quy chế hoạt động, thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã và Tổ giúp việc, ban hành quyết định phân công người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm kế toán Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, cụ thể tại các quyết định: Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 17/9/2021, Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 17/9/2021, Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 10/02/2022, Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 04/3/2022, Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 07/3/2022. Trong năm 2021, 2022 UBND xã Long Hà đã làm chủ đầu tư triển khai thực hiện 30 công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù (Nhà nước và nhân dân cùng làm), xây dựng các công trình nhà văn hóa thôn và láng nhựa đường giao thông nông thôn góp phần quan trọng đưa xã Long Hà về đích nông thôn mới.

PHẦN II: KẾT QUẢ THANH TRA

A. ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BTXM THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ NĂM 2021, 2022

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt danh mục và dự toán công trình

Người dân tại các thôn tổ chức họp để thống nhất các công trình dự kiến đầu tư trình UBND xã. Trên cơ sở danh mục các công trình theo sự đề xuất của nhân dân các thôn, sự cần thiết đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch, đồng thời theo hướng dẫn của UBND tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo tại các Quyết định: Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 09/11/2017, Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 28/6/2021, UBND xã lựa chọn các công trình phù hợp, cần thiết phải đầu tư qua đó lập danh mục công trình trình phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện thẩm định, trình UBND huyện phê duyệt. Căn cứ danh mục các công trình được UBND huyện phê duyệt, UBND xã lập dự toán công trình trình Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định, trình UBND huyện phê duyệt.

Kết quả đạt được:

Trong năm 2021, UBND huyện phê duyệt danh mục và dự toán 25 công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù, qua đó giao UBND xã Long Hà làm chủ đầu tư tại các Quyết định: Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021, Quyết định số 5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021, Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021, cụ thể như sau:

Tổng dự toán các công trình:	10.810.708.863 đồng.
Kinh phí vật liệu + cước vận chuyển:	7.269.359.776 đồng.
Kinh phí nhân công + ca máy:	3.541.349.087 đồng.
Khối lượng xi măng từ nguồn hỗ trợ từ tỉnh:	1.623.706 Kg.

Trong năm 2022, UBND huyện phê duyệt danh mục và dự toán 05 công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù, qua đó giao UBND xã làm chủ đầu tư tại các Quyết định: Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/5/2022, Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 26/8/2021, cụ thể như sau:

Tổng dự toán các công trình:	1.814.302.418 đồng.
Kinh phí vật liệu + cước vận chuyển:	1.168.844.663 đồng.
Kinh phí nhân công + ca máy:	645.457.755 đồng.
Khối lượng xi măng từ nguồn hỗ trợ từ tỉnh:	278.750 Kg.

(Chi tiết có Biểu 01 kèm theo)

Qua kiểm tra hồ sơ dự toán các công trình đường BTXM năm 2021, 2022 do UBND xã Long Hà làm chủ đầu tư cho thấy: Các công trình lập dự toán trên cơ sở hướng dẫn của UBND tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo tại các Quyết định: Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 09/11/2017, Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 28/6/2021. Về cơ bản dự toán phần nền đường, mặt đường BTXM của các công trình áp dụng theo đúng định mức, hướng dẫn của UBND tỉnh, đơn giá vật tư áp dụng theo đúng thông báo giá của Sở Xây dựng Bình Phước tại thời điểm lập dự toán và đã được Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định, UBND huyện phê duyệt dự toán.

Tồn tại, hạn chế:

Nội dung thẩm định các công trình đường BTXM năm 2021, 2022 chỉ thẩm định phần dự toán các công trình, chưa đánh giá được sự phù hợp với quy hoạch xây dựng, phù hợp với đề án xây dựng nông thôn mới và đánh giá các nội dung khác theo quy định tại Điểm c, d, đ Khoản 3, Điều 5 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và Điểm b, c, d, đ Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Việc thẩm định hồ sơ xây dựng công trình thuộc trách nhiệm của UBND xã theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. Theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp UBND xã không đủ năng lực thẩm định hồ sơ xây dựng công trình, UBND xã có văn bản đề nghị UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định*” tuy nhiên UBND xã chỉ lập hồ sơ dự toán công trình trình Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định dự toán, không có văn bản đề nghị UBND huyện giao cơ quan chuyên môn về xây dựng (Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện) thẩm định hồ sơ xây dựng công trình là chưa phù hợp.

2. Việc tiếp nhận, bàn giao và quyết toán khối lượng xi măng từ nguồn hỗ trợ ngân sách tỉnh

Kết quả đạt được:

Trên cơ sở khối lượng xi măng từ nguồn hỗ trợ ngân sách tỉnh (theo dự toán được duyệt), khối lượng xi măng được Văn Phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Bình Phước cấp về qua các đợt, UBND xã Long Hà lập Tờ trình đề nghị Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện gửi giấy giới thiệu đến đơn vị cung cấp xi măng (nhà máy sản xuất xi măng Hà Tiên tại Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước) để UBND xã liên hệ lấy xi măng. Quá trình bàn giao xi măng tại nhà máy được lập thành các phiếu giao nhận do bên giao, bên nhận ký xác nhận. Xi măng sau khi được vận chuyển từ nhà máy về sẽ được nghiệm thu và bàn giao cho các thôn. Việc bàn giao xi măng cho các thôn được lập thành biên bản giữa bên vận chuyển, UBND xã và bên tiếp nhận do trưởng các thôn ký xác nhận.

Tổng khối lượng xi măng từ nguồn hỗ trợ ngân sách tỉnh năm 2021 đã nghiệm thu, bàn giao cho về các thôn là **1.563.350 kg**. Tại thời điểm thanh tra các công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng, khối lượng xi măng tiếp nhận và sử dụng đã được quyết toán với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện.

Tổng khối lượng xi măng từ nguồn hỗ trợ ngân sách tỉnh năm 2022 đã nghiệm thu, bàn giao cho các thôn là **339.080 kg**. Tại thời điểm thanh tra các công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng, khối lượng xi măng tiếp nhận, sử dụng UBND xã đã lập hồ sơ quyết toán gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện (Báo cáo quyết toán số 113/BC-UBND ngày 06/10/2023 của UBND xã Long Hà), tuy nhiên tại thời điểm thanh tra vẫn chưa được quyết toán.

(Chi tiết có Biểu 02 Kèm theo)

3. Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng:

Kết quả đạt được:

Căn cứ quyết định phê duyệt danh mục và dự toán công trình đã được UBND huyện phê duyệt, tại thời điểm chuẩn bị thi công công trình UBND xã Long Hà phê duyệt lại hồ sơ dự toán công trình, tiến hành lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng với các đơn vị cung cấp vật liệu xây dựng và các đơn vị thi công công trình, cụ thể như sau:

Đối với gói thầu cung cấp vật liệu xây dựng (ngân sách nhà nước hỗ trợ) trên cơ sở đơn xin nhận thầu và báo giá vật tư của các đơn vị, UBND xã ban hành quyết định chỉ định thầu và ký kết hợp đồng với các Doanh nghiệp (Công ty TNHH).

Đối với gói thầu thi công công trình (nhân dân đóng góp: chi phí nhân công và máy thi công) người dân tại các thôn nơi có công trình được đầu tư đề xuất được tự thi công công trình và Ban thôn làm đại diện cho người dân để ký kết hợp đồng với Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã. Trên cơ sở đề xuất của các Ban thôn, UBND xã ban hành quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện việc thi công công trình, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã ký kết hợp đồng với đại diện các thôn (Trưởng thôn làm đại diện) để thi công công trình. Việc thu tiền đóng góp của người dân do Ban thôn thực hiện và nộp về UBND xã quản lý, sau đó sẽ chi lại cho các tổ, đội thi công của thôn.

Tồn tại, hạn chế:

Trước khi lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu cung cấp vật liệu xây dựng và gói thầu thi công công trình, UBND xã không phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu là không phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Trước khi ban hành quyết định phê duyệt chỉ định thầu đối với gói thầu cung cấp vật liệu xây dựng và gói thầu thi công công trình, UBND xã, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã không tiến hành thương thảo hợp đồng là chưa phù hợp với quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ (còn hiệu lực tại thời điểm lựa chọn nhà thầu năm 2021, 2022).

4. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình

4.1. Nghiệm thu công trình:

Kết quả đạt được:

Các công trình đường BTXM năm 2021, 2022 trong quá trình thi công chủ đầu tư có tổ chức nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu nền đá 4x6 chèn đá dăm, nghiệm thu quá trình đổ bê tông mặt đường), khi công trình thi công hoàn thành, UBND xã có tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng với thành phần tham gia gồm: đại diện Ban quản lý nông thôn mới xã, Ban thôn, Ban

giám sát cộng đồng xã theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và Khoản 3, Điều 18, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Tồn tại, hạn chế:

Các công trình đường BTXM năm 2022 do UBND xã làm chủ đầu tư (05 công trình) đã nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng vào tháng 12 năm 2022, tuy nhiên đến thời điểm tháng 5 năm 2024, UBND xã mới lập báo cáo hoàn thành công trình gửi Phòng Kinh tế và Hạ tầng để ban hành Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình là không phù hợp so với quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

4.2. Tình hình thanh toán, quyết toán công trình

4.2.1 Tình hình thanh toán:

Trong năm 2021, 2022 trên địa bàn xã triển khai đầu tư 30 công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù (năm 2021: 25 công trình; năm 2022: 05 công trình), trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí đầu tư, nhân dân đóng góp 30%. Qua kiểm tra hồ sơ thanh toán, kết quả thể hiện như sau:

- Đối với gói thầu cung cấp vật liệu xây dựng (ngân sách huyện hỗ trợ) trên cơ sở các bảng báo giá vật liệu, đơn xin nhận thầu của các nhà thầu, quá trình thương thảo hợp đồng, UBND xã Long Hà ban hành Quyết định phê duyệt chỉ định thầu, ký kết hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng đối với nhà thầu là các doanh nghiệp (công ty TNHH). Tổng giá trị hợp đồng UBND xã Long Hà đã ký kết với các Doanh nghiệp để thực hiện cung cấp vật liệu xây dựng cho 30 công trình đường BTXM là 8.434.976.763 đồng. Căn cứ hợp đồng, biên bản nghiệm thu và bàn giao vật liệu, bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng, giấy đề nghị thanh toán, UBND xã đã thanh toán hết giá trị khối lượng cho các nhà thầu đúng theo quy định với tổng giá trị thanh toán là 8.434.976.763 đồng.

- Đối với gói thầu thi công công trình (nhân dân đóng góp: kinh phí nhân công và máy thi công): Trên cơ sở Tờ trình của các Ban thôn về việc đề nghị được thi công công trình (Ban thôn đại diện cho người dân đề xuất với UBND xã để được tự thi công công trình), quyết định về việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện thi công công trình, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã ký hợp đồng với các Ban thôn để thi công công trình. Việc thu tiền đóng góp của người dân do Ban thôn thực hiện và nộp về UBND xã quản lý, sau đó sẽ chi lại cho các tổ, đội thi công của thôn.

(Chi tiết có biểu 03 kèm theo)

4.2.2 Tình hình quyết toán:

Các công trình đường BTXM năm 2021, 2022 (30 công trình) đã thi công hoàn thành và nghiệm thu, đưa vào sử dụng, UBND xã đã gửi hồ sơ quyết toán lên Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và đang trong quá trình thẩm tra, quyết toán.

5. Quá trình kiểm tra thực tế các công trình

5.1. Việc thi công công trình:

Đoàn thanh tra lựa chọn ngẫu nhiên 14/30 công trình đường BTXM để kiểm tra thực tế hiện trạng, qua kiểm tra bằng phương pháp đo kích thước hình học, kết quả ghi nhận như sau:

- Qua kiểm tra có 9/14 công trình thi công cơ bản tuân thủ theo thiết kế mẫu được UBND tỉnh Bình Phước hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 28/6/2022, cụ thể: bề rộng mặt đường, chiều dày lớp bê tông xi măng mặt đường, chiều dài tuyến đường thi công theo đúng thiết kế mẫu và dự toán được phê duyệt.

- Qua kiểm tra có 5/14 công trình trong quá trình thi công không chèn gỗ tại vị trí khe co, khe dẫn, chỉ cắt khe trên mặt đường BTXM theo phương vuông góc với trục tim đường, độ sâu khe cắt từ 2,5cm-3cm, khoảng cách giữa các khe cắt 5m. Về bề rộng mặt đường, chiều dày lớp BTXM mặt đường, chiều dài tuyến đường thi công theo đúng thiết kế mẫu và dự toán được phê duyệt.

Đoàn thanh tra đã phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng xác định đơn giá cắt khe và khối lượng gỗ làm ván khuôn mặt đường BTXM để làm cơ sở giảm trừ (Giá trị của khối lượng gỗ làm khe co, dẫn theo dự toán được duyệt trừ chi phí cắt khe co, dẫn mặt đường BTXM và giá trị của khối lượng gỗ thực tế làm ván khuôn). Qua tính toán, giá trị của khối lượng gỗ chênh lệch còn lại phải thu hồi, nộp ngân sách nhà nước là **12.185.256 đồng**. *(Chi tiết có Biểu 04 kèm theo)*

* Nội dung giải trình của UBND xã: Trong quá trình thi công đường BTXM theo cơ chế đặc thù (Nhà nước và nhân dân cùng làm), UBND xã giao cho Ban thôn thi công nhưng khi triển khai thực hiện, một số tổ, đội thi công nhận thấy việc đặt gỗ khe co, khe dẫn khó thực hiện nên ban thôn (tổ, đội thi công) đã thay đổi biện pháp thi công bằng việc: Sử dụng gỗ khe co, khe dẫn đã được cấp phát theo quyết định phê duyệt dự toán để chuyển sang làm ván khuôn ở hai đầu và hai bên của tuyến đường (quyết định phê duyệt dự toán công trình chưa bố trí định mức ván khuôn, nếu không có ván khuôn sẽ khó khăn về vật liệu trong công tác đổ mặt đường BTXM), đồng thời thực hiện cắt khe mặt đường BTXM có độ sâu từ 2,5cm-3cm khoảng cách giữa các khe là 5m. Việc thay đổi biện pháp thi công nêu trên, Ban thôn có tổ chức họp dân và báo cáo về UBND xã (báo cáo miệng). Tuy nhiên, UBND xã đã không kịp thời báo cáo về UBND huyện để xin chủ trương thay đổi biện pháp thi công. Qua kết quả thanh tra, UBND xã nhận khuyết điểm trên và chấp hành thực hiện theo kết luận của đoàn thanh tra và nghiêm túc chấn chỉnh và rút kinh nghiệm trong thời gian tới.

5.2. Sự phù hợp với quy hoạch:

Qua kiểm tra thực tế hiện trạng 14/30 công trình và đối chiếu với bản đồ quy hoạch, bản đồ chính quy có 4/14 công trình có một phần đầu tư đi qua thửa đất của các hộ dân (trên bản đồ quy hoạch, bản đồ chính quy và Giấy CNQSD đất của các hộ dân không thể hiện đường giao thông), cụ thể như sau:

- Công trình đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Đoạn từ

nhà Tạ Quang Trường đến nhà Đoàn Văn Hiệp, tổng chiều dài qua kiểm tra thực tế 600m (đạt so với dự toán được duyệt tại Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện), trong đó có 300m đường BTXM đầu tư đi qua thửa đất của hộ ông Tạ Quang Trường và hộ ông Đoàn Văn Hiệp. Tại thời điểm kiểm tra tại vị trí đầu tuyến đường nơi đi qua thửa đất của ông Tạ Quang Trường và ông Đoàn Văn Hiệp có rào lại bằng công sắt.

- Công trình đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Từ nhà Bùi Thị Hậu đến nhà Nguyễn Văn Khoa; Từ nhà Nguyễn Văn Tình đến nhà Nghiêm Hải có tổng chiều dài tuyến đường qua kiểm tra thực tế 770m (đạt so với dự toán được duyệt tại Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện). Qua kiểm tra, đoạn từ nhà Bùi Thị Hậu đến nhà Nguyễn Văn Khoa có 50m đầu tư đi qua thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn Biên, 20m đầu tư đi qua thửa đất của ông Nguyễn Ngọc Dũng.

- Công trình đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Đoạn từ nhà Vương Như Ba đến nhà Nguyễn Thị Cần, chiều dài qua kiểm tra thực tế 870m (đạt so với dự toán được duyệt tại Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện), trong đó có 27m đầu tư đi qua thửa đất của ông Cao Đình Thủy.

- Công trình đường BTXM: Thôn 6, từ ông Phùng Quang Hiền đến ông Đình Công Hiền, chiều dài qua kiểm tra thực tế 600m (đạt so với dự toán được duyệt tại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện), trong đó có 40m đầu tư qua thửa đất của hộ bà Phạm Thị Thực.

Trên cơ sở dự toán được duyệt, Đoàn thanh tra 09 đã tính toán, xử lý thu hồi phần chi phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư (kinh phí mua vật liệu, cước vận chuyển, xi măng tỉnh hỗ trợ) số tiền phải thu hồi, nộp lại ngân sách nhà nước là: **269.878.256 đồng.**

(Chi tiết có Biểu 05 kèm theo)

Từ kết quả kiểm tra của 04 công trình như đã nêu trên, Đoàn thanh tra 09 đã làm việc với Ban thôn và các hộ dân liên cho biết: Việc thi công các đoạn đường trên nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại của nhân dân, người dân đóng đối ứng 30% kinh phí (chi phí nhân công và máy thi công) phần kinh phí còn lại do ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% (chi phí vật liệu, cước vận chuyển, xi măng tỉnh hỗ trợ).

* Nội dung giải trình của UBND xã: Do năng lực, trình độ chuyên môn của công chức quản lý xây dựng nông thôn mới xã còn hạn chế nên trong quá trình thẩm định, chỉ thẩm định phần dự toán công trình, chưa đánh giá hết được sự phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất tại thời điểm đăng ký danh mục công trình. Sau khi có quyết định phê duyệt dự toán của UBND huyện, UBND xã đã giao cho ban thôn và nhân dân thực hiện thi công đường BTXM theo cơ chế đặc thù. Trong quá trình thi công các tuyến đường này đều diễn ra vào thời điểm tập trung cho công tác phòng chống dịch covid 19 và công tác rà soát xây dựng các tiêu chí, xây dựng kế hoạch nông thôn mới để phân đấu xã về đích trong năm 2022, do áp lực từ việc nhận xi măng để thi công nhiều tuyến đường trên cùng

một lúc để đảm bảo tiến độ, chất lượng BTXM nên dẫn tới việc kiểm tra, giám sát chưa chặt chẽ để ban thôn và các hộ dân hợp thống nhất tự chuyển tuyến thi công đủ chiều dài tuyến được phê duyệt. Thực tế các đoạn đường đã thi công trên đường đi hiện hữu của nhân dân đã có từ trước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thông đi lại của người dân, tuy nhiên chưa phù hợp với quy hoạch giao thông và quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thi công các tuyến đường trên cơ sở nhà nước và nhân dân cùng làm (Nhà nước 70% và nhân dân 30%) không vì động cơ mục đích làm lợi cho cá nhân nào. Qua kết quả thanh tra, UBND xã nhận khuyết điểm trên và chấp hành thực hiện theo kết luận của đoàn thanh tra và nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong thời gian tới.

B. ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2022

Đoàn thanh tra lựa chọn ngẫu nhiên 04 công trình để kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế việc thi công công trình, cụ thể: Công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 6; công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 9; công trình sửa chữa nhà văn hóa thôn 7; công trình xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1 từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa thôn Bù Ka 1, qua kiểm tra kết quả ghi nhận như sau:

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật

1.1. Việc lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư công trình

Căn cứ Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 08/11/2021 của UBND huyện về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại xã Long Hà năm 2022, Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 29/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua Kế hoạch triển khai xây dựng nông thôn mới xã Long Hà, Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND huyện Phú Riềng về việc phê duyệt danh mục công trình thuộc Chương trình nông thôn mới xã Long Hà năm 2022, Căn cứ vào sự cần thiết phải đầu tư, nội dung và quy mô các công trình dự kiến đầu tư, UBND xã Long Hà lập tờ trình kèm hồ sơ chủ trương đầu tư các công trình trình Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, trình UBND huyện phê duyệt, cụ thể tại các quyết định: Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 6; Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 9; Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 16/03/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình sửa chữa nhà văn hóa thôn 7; Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1 từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa thôn Bù Ka 1, cơ bản tuân thủ theo đúng quy định của Luật đầu tư công ngày 13/6/2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

1.2. Việc lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình:

Trên cơ sở Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình được UBND huyện phê duyệt, UBND xã Long Hà phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư và tiến hành lựa chọn đơn vị tư vấn lập hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình. Sau khi hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật được hoàn thiện, UBND xã lập tờ trình, kèm theo hồ sơ trình Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định, trình UBND huyện phê duyệt, cụ thể tại các quyết định: Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 6; Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 9; Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình sửa chữa nhà văn hóa thôn 7; Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1 từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa thôn Bù Ka 1. Qua kiểm tra hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật của 04 công trình trên, về cơ bản định mức, dự toán áp dụng đúng theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng áp dụng theo thông báo giá của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước tại thời điểm lập dự toán.

2. Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng:

- Sau khi các công trình đã được phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, UBND xã Long Hà (chủ đầu tư) lập tờ trình, trình Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trên cơ sở kết quả thẩm định Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các công trình cơ bản tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu (còn hiệu lực tại thời điểm lựa chọn nhà thầu năm 2022) nay là Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

- Quá trình lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng: Căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu được UBND huyện phê duyệt, UBND xã tiến hành quá trình lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng, cụ thể:

+ Đối với các gói thầu lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu rút gọn: trên cơ sở đơn xin nhận thầu của các nhà thầu, UBND xã tiến hành thương thảo hợp đồng, ban hành Quyết định chỉ định thầu, ký kết hợp đồng đúng theo quy trình được quy định tại Điều 54, Điều 56, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ (còn hiệu lực tại thời điểm lựa

chọn nhà thầu năm 2022) nay là Điều 78 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

+ Đối với các gói thầu lựa chọn nhà thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng (01 gói thầu xây lắp công trình xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1 từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa thôn Bù Ka 1): Để thực hiện quá trình lựa chọn nhà thầu, UBND xã đã ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, đơn vị tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Trên cơ sở báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, quá trình thương thảo hợp đồng, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, UBND xã ban hành Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng với nhà thầu. Trong quá trình lựa chọn nhà thầu có đăng tải thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, thông báo mời thầu...lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại Khoản 1, Điều 8, Luật Đấu thầu năm 2013 nay là Khoản 1, Điều 8, Luật Đấu thầu năm 2023.

3. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình

3.1 Nghiệm thu công trình:

Qua kiểm tra hồ sơ chất lượng các công trình cho thấy, trong quá trình thi công có nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, khi thi công hoàn thành có tổ chức nghiệm thu hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Quá trình nghiệm thu và thành phần tham gia nghiệm thu đúng theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Các loại vật liệu như cát, đá, thép, xi măng, bê tông... trước khi đưa vào thi công đều được lấy mẫu, thí nghiệm vật liệu, thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý...bảo đảm đúng chất lượng và chủng loại vật liệu.

3.2. Tình hình thanh toán, quyết toán công trình

3.2.1. Tình hình thanh toán:

Căn cứ hợp đồng đã ký kết, biên bản nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành, Chủ đầu tư lập giấy đề nghị thanh toán, giấy rút vốn gửi Kho bạc nhà nước huyện để thanh toán cho các nhà thầu theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

3.2.2. Tình hình quyết toán công trình:

Sau khi công trình thi công hoàn thành, được nghiệm thu đưa vào sử dụng và có thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện, UBND xã lập tờ trình kèm theo hồ sơ quyết toán trình Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm tra quyết toán.

Qua kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế 04 công trình: Công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 6; công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 9; công trình sửa chữa nhà văn hóa thôn 7; công trình xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1

từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa thôn Bù Ka 1, các công trình trên đã thi công hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện đã ban hành Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình, tại thời điểm thanh tra 04 công trình trên đã được Phòng Tài chính – Kế huyện huyện thống nhất số liệu quyết toán, đang trong quá trình lập báo cáo quyết toán, trình UBND huyện phê duyệt quyết toán.

4. Kiểm tra thực tế các công trình:

4.1. Việc thi công công trình:

Đoàn Thanh tra kiểm tra ngẫu nhiên 04 công trình: Công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 6; công trình xây dựng nhà văn hóa thôn 9; công trình sửa chữa nhà văn hóa thôn 7; công trình xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1 từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa thôn Bù Ka 1, qua kiểm tra về cơ bản các công trình thi công đúng theo bản vẽ thiết kế thi công được duyệt, bản vẽ hoàn công nghi nhận đúng thực tế quá trình thi công.

4.2. Sự phù hợp với quy hoạch của các công trình đường giao thông

Qua kiểm tra thực tế công trình xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1 từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa thôn Bù Ka 1, kết quả nghi nhận như sau: công trình trên được đầu tư trên tuyến đường hiện hữu đã có trước đây (đường đất), trên bản đồ chính quy có thể hiện đường giao thông, hồ sơ thiết kế - dự toán, nội dung, quy mô đầu tư công trình Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã thẩm định, ngoài ra các công trình trên thuộc danh mục đầu tư công được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 nên phù hợp với quy hoạch và kế hoạch.

PHẦN III: NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

1. Ưu điểm:

Trong năm 2021, 2022 UBND xã Long Hà đã tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và đã hoàn thành đưa xã Long Hà về đích nông thôn mới (UBND tỉnh công nhận xã Long Hà đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 tại Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 15/11/2023), trong đó có nội dung quan trọng trong việc triển khai thực hiện các công trình đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù, các công trình láng nhựa đường giao thông nông thôn và xây dựng nhà văn hóa thôn góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại địa phương. Qua thanh tra, cơ bản UBND xã đã thực hiện theo quy định đối với việc lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các công trình. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần phải kịp thời chấn chỉnh như đã nêu tại phần kết quả thanh tra, cụ thể như sau

2. Tồn tại, hạn chế:

Đối với các công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù năm 2021, 2022

2.1. Việc thẩm định hồ sơ công trình thuộc trách nhiệm của UBND xã (theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày

19/4/2022 của Chính phủ). Tuy nhiên UBND xã chỉ lập hồ sơ dự toán công trình trình Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định, không thể hiện các nội dung thẩm định khác theo quy định tại Điểm c, d, đ Khoản 3, Điều 5 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và Điểm b, c, d, đ Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

2.2. Việc UBND xã không phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước khi lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu cung cấp vật liệu xây dựng và gói thầu thi công công trình là chưa đảm bảo thủ tục theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Trước khi ban hành quyết định phê duyệt chỉ định thầu đối với gói thầu cung cấp vật liệu xây dựng và gói thầu thi công công trình, UBND xã, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã không tiến hành thương thảo hợp đồng là chưa phù hợp với quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ (còn hiệu lực tại thời điểm lựa chọn nhà thầu năm 2021, 2022).

2.3. Việc UBND xã lập báo cáo hoàn thành công trình gửi Phòng Kinh tế và Hạ tầng sau thời điểm công trình đã nghiệm thu hoàn thành như đã nêu tại Mục 4.1, Phần II. Kết quả thanh tra là không phù hợp với quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

2.4. Các công trình đường BTXM năm 2021, 2022 (30 công trình) đã thi công hoàn thành và nghiệm thu, đưa vào sử dụng, UBND xã đã gửi hồ sơ quyết toán lên Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và đang trong quá trình thẩm tra, quyết toán, tuy nhiên về thời hạn quyết toán là trễ hạn so với quy định tại Điều 47, Nghị Định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính Phủ.

2.5. Qua kiểm tra thực tế 14/30 công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù, phát hiện:

+ Có 05/14 công trình thi công không đảm bảo thiết kế mẫu được duyệt, cụ thể: Không chèn gỗ tại vị trí khe co, khe dẫn, thay vào đó là cắt khe trên mặt đường BTXM theo phương vuông góc với trục tim đường, độ sâu khe cắt từ 2,5cm-3cm, khoảng cách giữa các khe cắt 5m. Qua kết quả thanh tra nhận thấy việc thay đổi biện pháp thi công từ đặt gỗ khe co, dẫn sang cắt khe trên mặt đường BTXM là không đúng thiết kế mẫu được duyệt và việc thay đổi này chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh. Tuy nhiên, qua xem xét quyết định phê duyệt dự toán đối với các công trình này, Đoàn thanh tra nhận thấy trong quyết định phê duyệt dự toán chưa bố trí gỗ làm ván khuôn ở hai bên và hai đầu mặt đường BTXM, do vậy trong quá trình thi công người dân đã sử dụng gỗ làm khe co, khe dẫn chuyển qua làm ván khuôn. Xét tình hình thực tế trong quá trình thi công, Đoàn thanh tra đã phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng xác định đơn giá cắt khe và khối lượng gỗ làm ván khuôn mặt đường BTXM để làm cơ sở giảm trừ (Giá trị của khối lượng gỗ làm khe co, dẫn theo dự toán được duyệt trừ chi phí cắt khe co, dẫn mặt đường BTXM và giá trị của khối lượng gỗ thực tế làm ván khuôn). Qua tính toán, giá trị khối lượng gỗ chênh lệch còn lại phải thu hồi, nộp ngân sách nhà nước là **12.185.256 đồng**.

(Chi tiết có Biểu 04 kèm theo).

+ Có 04/14 công trình với 437m đường BTXM thi công đi qua thửa đất của các hộ dân mà trên bản đồ quy hoạch xây dựng, bản đồ chính quy và Giấy CNQSD đất của các hộ dân không thể hiện đường giao thông (gồm: 300m đầu tư đi qua thửa đất của hộ ông Tạ Quang Trường và hộ ông Đoàn Văn Hiệp; 50m đầu tư đi qua thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn Biên; 20m đầu tư đi qua thửa đất của ông Nguyễn Ngọc Dũng; 27m đầu tư đi qua thửa đất của ông Cao Đình Thủy; 40m đầu tư qua thửa đất của hộ bà Phạm Thị Thực). Do vậy, việc UBND xã Long Hà thực hiện việc đầu tư trên đất của người dân là không phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 5 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ và Điểm a, Khoản 3, Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, cần xử lý thu hồi phần kinh phí từ ngân sách nhà nước đã hỗ trợ. Qua kết quả thanh tra nhận thấy, nguyên nhân dẫn đến sai sót này một phần là do công tác khảo sát, thẩm định hồ sơ của UBND xã so với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng còn thiếu kinh nghiệm; việc kiểm soát của UBND xã trong quá trình thi công còn nhiều hạn chế, chưa sâu sát, kịp thời. Tuy nhiên qua làm việc với các hộ dân, Ban thôn và giải trình của UBND xã, Đoàn thanh tra nhận thấy: Việc đầu tư các đoạn đường trên mặc dù không phù hợp với quy hoạch nhưng mục đích là tạo điều kiện để người dân đi lại thuận lợi, không vì mục đích vụ lợi cho tập thể, cá nhân. Trên cơ sở dự toán được duyệt, Đoàn thanh tra 09 xác định số tiền phải thu hồi, nộp lại ngân sách nhà nước là: **269.878.415 đồng** (phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ mua vật liệu, cước vận chuyển, xi măng tỉnh hỗ trợ).

(Chi tiết có Biểu 05 kèm theo)

PHẦN IV: BIỆN PHÁP XỬ LÝ SAU THANH TRA

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế đối với việc chấp hành pháp luật trong đầu tư xây dựng các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Long Hà trong thời gian qua, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường kỷ cương, kỷ luật, từng bước đưa công tác quản lý đầu tư xây dựng vào nề nếp, thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Từ kết quả thanh tra nêu trên, Chánh Thanh tra huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện một số nội dung như sau:

1. Đối với UBND xã Long Hà

Nghiêm túc rút kinh nghiệm, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế như đã nêu tại Mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Phần III. Nhận xét, kết luận.

Khẩn trương liên hệ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện để quyết toán khối lượng xi măng từ nguồn hỗ trợ ngân sách tỉnh đối với các công trình đường BTXM năm 2022.

Kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan để xảy ra các sai phạm trong quá trình đầu tư các công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù như đã nêu tại Mục 2.5 Phần III. Nhận xét, kết luận, cụ thể: Qua kiểm tra thực tế có 05/14 công trình đường BTXM trong quá trình công không chèn gỗ tại vị trí

khe co, khe dẫn theo thiết kế mẫu; Việc đầu tư 04 công trình đường BTXM trong đó có 437m thi công đi qua thửa đất của các hộ dân (Không phù hợp với quy hoạch).

Thu hồi, nộp ngân sách nhà nước số tiền 282.063.671 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu không trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng), cụ thể:

- Số tiền 12.185.256 đồng do trong quá trình thi công 05/14 công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù không đặt gổ tại vị trí khe co, khe dẫn.

- Số tiền 269.878.415 đồng do ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư 04 công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù trong đó có 437m đầu tư đi qua thửa đất của các hộ dân (Không phù hợp với quy hoạch).

Tên tài khoản nộp tiền: Tài khoản tạm thu, tạm giữ Phòng tài chính Kế hoạch huyện Phú Riềng, số tài khoản: 3941.3.1122270.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước Phú Riềng, thời gian nộp chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi tiền.

2. Kiến nghị UBND huyện

2.1. Đề nghị Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện và các phòng ban liên quan:

Tăng cường kiểm tra, rà soát đối với danh mục các công trình đường BTXM thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phải phù hợp với Đồ án quy hoạch chung xây dựng của các xã, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trước khi trình UBND huyện phê duyệt danh mục.

2.2. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

Khẩn trương thống nhất số liệu quyết toán, tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán đối với các công trình đường BTXM năm 2021, 2022 do UBND xã Long Hà làm chủ đầu tư (30 công trình).

Khẩn trương lập báo cáo quyết toán, tham mưu UBND huyện ban hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với 04 công trình như đã nêu tại mục B, phần II. Kết quả thanh tra.

(Chi tiết có Biểu số 06 kèm theo)

2.3. Giao Phòng Nội vụ huyện:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra các sai phạm liên quan đến công tác đầu tư xây dựng các công trình đường BTXM theo cơ chế đặc thù tại xã Long Hà như đã nêu tại phần nhận xét, kết luận. Trong quá trình kiểm điểm, nếu phát sinh trách nhiệm liên đới của các tổ chức, cá nhân khác thì kịp thời tham mưu UBND huyện xem xét, xử lý theo quy định pháp luật.

2.4. Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện:

Tăng cường kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình đường bê tông xi măng thực hiện theo cơ chế đặc thù do UBND các xã làm chủ đầu tư nhằm đảm bảo việc thi công công trình theo đúng thiết kế mẫu được duyệt và quy định của pháp luật.

3. Giao Thanh tra huyện

Tham mưu Chánh Thanh tra huyện: Ban hành quyết định thu hồi số tiền 282.063.671 đồng đối với UBND xã Long Hà (như đã nêu tại Phần IV. Biện pháp xử lý sau thanh tra) và văn bản kiến nghị UBND huyện triển khai thực hiện kết luận thanh tra theo quy định.

Thực hiện công khai kết luận thanh tra theo quy định, đồng thời theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận này.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư xây dựng các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Long Hà, Chánh Thanh tra huyện yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- TT.HU, TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- UBKT Huyện ủy;
- Phòng TC-KH huyện;
- KBNN Phú Riềng;
- UBND xã Long Hà;
- Lưu: VT, Hs.

CHÁNH THANH TRA



Vũ Đình Thạch



BIỂU SỐ 01
DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BTXM NĂM 2021, 2022
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-T.Tr ngày 25/9/2024 của Thanh tra huyện)

Đvt: đồng

Stt	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán (số, ngày, tháng, năm)	Tổng dự toán	Trong đó			Ghi chú
						Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng (kg)	Kinh phí vật liệu + Cước vận chuyển	Kinh phí nhân công + ca máy	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13
A	Năm 2021		13,870		10.810.708.863	1.623.706	7.269.359.776	3.541.349.087	
1	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Đình Nhật đến nhà Phạm Văn Nghĩa.	B	0,26	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	271.666.032	44.921	187.464.697	84.201.335	
2	Đường BTXM liên thôn 1 và thôn 11.	B	0,3	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	313.460.806	51.832	216.305.420	97.155.386	
3	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Mai Ngọc Cảnh đến nhà Nguyễn Văn Liễu.	C	0,2	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	157.873.836	22.300	108.791.630	49.082.206	
4	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Lê Xuân Hiệp đến nhà Ngô Văn Tám.	C	0,95	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	749.900.722	105.925	516.760.242	233.140.480	
5	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Đinh Thị Lan đến nhà Trần Văn Hòa.	C	1,05	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	828.837.640	117.074	571.156.056	257.681.584	
6	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Danh Thị Sáu đến nhà Tô Văn Tường.	C	0,225	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	177.608.066	25.087	122.390.584	55.217.482	
7	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Từ nhà Trần Công Thuật đến nhà Lê Văn Chính.	C	0,5	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	394.684.590	55.750	271.979.074	122.705.516	
8	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Từ nhà Bùi Thị Hậu đến nhà Nguyễn Văn Khoa; Từ nhà Nguyễn Văn Tinh đến nhà Nghiêm Hải.	C	0,77	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	607.814.269	85.855	418.847.774	188.966.495	
9	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Văn Hai đến nhà Đỗ Hữu Lai.	C	0,75	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	592.026.886	83.625	407.968.612	184.058.274	
10	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Văn Đức đến nhà Nguyễn Trọng Lâm.	C	0,92	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	726.219.647	102.580	500.441.498	225.778.149	

Stt	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán (số, ngày, tháng, năm)	Tổng dự toán	Trong đó			Ghi chú
						Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng (kg)	Kinh phí vật liệu + Cuộc vận chuyển	Kinh phí nhân công + ca máy	
11	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Văn Đông đến nhà Bùi Viết Chất.	C	0,73	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	576.239.502	81.395	397.089.449	179.150.053	
12	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 8: Từ nhà Kiều Đình Lợi đến nhà Nguyễn Thị Tài.	C	0,415	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	327.588.210	46.272	225.742.632	101.845.578	
13	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 9: Từ đường DT757 đến nhà Trần Duy Nam.	C	0,55	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	434.153.050	61.325	299.176.982	134.976.068	
14	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Đoạn từ nhà Nguyễn Đình Xuất đến nhà Nguyễn Văn Dũng.	B	0,7	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	659.358.242	120.942	432.662.340	226.695.902	
15	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Đoạn từ nhà Trần Thị Chi đến nhà Lê Văn Chiến.	C	0,33	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	236.058.371	36.795	153.900.334	82.158.037	
16	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Đoạn từ nhà Tạ Quang Trường đến nhà Đoàn Văn Hiệp.	C	0,6	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	429.197.038	66.900	279.818.789	149.378.249	
17	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Lê Văn Hùng đến nhà Đặng Xuân Tài; Đường vào nghĩa trang thôn 1.	C	0,55	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	393.430.618	61.325	256.500.556	136.930.062	
18	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Vũ Văn Đặng đến nhà Lê Đức Sỹ; Từ nhà Phạm Xuân Hùng đến nhà Bùi Thị Kim Thanh.	C	0,395	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	282.554.717	44.042	184.214.036	98.340.681	
19	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 2: Đoạn từ đường DT757 đến nhà Nguyễn Văn Học.	C	0,55	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	393.430.618	61.325	256.500.556	136.930.062	
20	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 10: Đoạn từ nhà Trần Văn Sỹ đến nhà Võ Truyền Sang.	C	0,2	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	143.065.679	22.300	93.272.929	49.792.750	
21	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Đoạn từ nhà Vương Như Ba đến nhà Nguyễn Thị Cần.	C	0,87	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	622.335.705	97.005	405.737.243	216.598.462	
22	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 4: Đoạn từ đường DT 757 đến nhà Nguyễn Văn Thục; Từ nhà Nguyễn Thị Thắm đến nhà Trần Thị Hương.	C	0,2	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	145.324.050	22.300	93.687.430	51.636.620	
23	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 9: Đoạn từ nhà Trần Duy Nam đến nhà Hoàng Minh Phúc.	C	1,1	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	799.282.278	122.649	515.280.864	284.001.414	

Stt	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán (số, ngày, tháng, năm)	Tổng dự toán	Trong đó			Ghi chú
						Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng (kg)	Kinh phí vật liệu + Cơ cấu vận chuyển	Kinh phí nhân công + ca máy	
24	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 11: Đoạn từ nhà Trần Ngọc Lưu đến nhà Lê Huy Sắc.	C	0,155	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	112.626.139	17.282	72.607.758	40.018.381	
25	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Đoạn từ nhà Cao Đình Đức đến nhà Nguyễn Ngọc Em.	C	0,6	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	435.972.152	66.900	281.062.291	154.909.861	
B	Năm 2022		2,50		1.814.302.418	278.750	1.168.844.663	645.457.755	
1	Đường bê tông xi măng thôn 7: Từ nhà Đỗ Xuân Đạt đến nhà Nguyễn Văn Dung; Từ đất ông Nguyễn Văn Chi đến đất ông Nguyễn Văn Minh.	C	0,89	730/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND huyện	645.582.132	99.235	415.799.171	229.782.961	
2	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Nguyễn Như Tú đến ông Nguyễn Văn Giám	C	0,47	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	341.179.214	52.405	219.833.156	121.346.058	
3	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Phùng Quang Hiền đến ông Đình Công Hiền.	C	0,6	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	435.547.932	66.900	280.638.071	154.909.861	
4	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Tống Bá Sỹ đến ông Nguyễn Đình Hải	C	0,2	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	145.182.644	22.300	93.546.024	51.636.620	
5	Đường BTXM: Thôn 8, từ ông Lưu Đình Kỳ đến ông Đoàn Thị Thủy	C	0,34	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	246.810.496	37.910	159.028.241	87.782.255	
TỔNG CỘNG			16,37		12.625.011.281	1.902.456	8.438.204.439	4.186.806.842	



**VIỆC TIẾP NHẬN, BÀN GIAO VÀ QUYẾT TOÁN KHỐI LƯỢNG XI MĂNG TỪ NGUỒN HỖ TRỢ NGÂN SÁCH TỈNH
ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BTXM NĂM 2021, 2022**

Dvt: Kg

1

Sit	Tên công trình	Cấp đường, thiết kế	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng dự toán (đồng)	Khối lượng xi măng tính hồ trợ (theo dự toán được duyệt)	Khối lượng xi măng đã nghiệm thu, bàn giao đến các thôn (Căn cứ biên bản nghiệm thu)	Khối lượng xi măng đã quyết toán (theo hồ sơ quyết toán)	Ghi chú
7	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Từ nhà Trần Công Thuật đến nhà Lê Văn Chính.	C	0,5	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	394.684.590	55.750	55.750	55.750	
8	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Từ nhà Bùi Thị Hậu đến nhà Nguyễn Văn Khoa; Từ nhà Nguyễn Văn Tình đến nhà Nghiêm Hải.	C	0,77	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	607.814.269	85.855	85.855	85.855	
9	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Văn Hai đến nhà Đỗ Hữu Lai.	C	0,75	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	592.026.886	83.625	83.625	83.625	
10	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Văn Đức đến nhà Nguyễn Trọng Lâm.	C	0,92	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	726.219.647	102.580	102.580	102.580	
11	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Văn Đông đến nhà Bùi Viết Chất.	C	0,73	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	576.239.502	81.395	81.395	81.395	
12	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 8: Từ nhà Kiều Đình Lợi đến nhà Nguyễn Thị Tài.	C	0,415	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	327.588.210	46.273	46.273	46.273	
13	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 9: Từ đường ĐT757 đến nhà Trần Duy Nam.	C	0,55	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	434.153.050	61.325	61.325	61.325	
14	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Đoạn từ nhà Nguyễn Đình Xuất đến nhà Nguyễn Văn Dũng.	B	0,7	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	659.358.242	60.582	60.582	60.582	
15	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Đoạn từ nhà Trần Thị Chi đến nhà Lê Văn Chiến.	C	0,33	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	236.058.371	36.795	36.795	36.795	

Stt	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng dự toán (đồng)	Khối lượng xi măng tính hồ trợ (theo dự toán được duyệt)	Khối lượng xi măng thí nghiệm thu, bán giao đến các thôn (Căn cứ biên bản nghiệm thu)	Khối lượng xi măng đã quyết toán (theo hồ sơ quyết toán)	Ghi chú
16	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Đoạn từ nhà Tạ Quang Trường đến nhà Đoàn Văn Hiệp.	C	0,6	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	429.197.038	66.900	66.900	66.900	
17	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Lê Văn Hùng đến nhà Đặng Xuân Tại; Đường vào nghĩa trang thôn 1.	C	0,55	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	393.430.618	61.325	61.325	61.325	
18	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Vũ Văn Đăng đến nhà Lê Đức Sỹ; Từ nhà Phạm Xuân Hùng đến nhà Bùi Thị Kim Thanh.	C	0,395	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	282.554.717	44.043	44.043	44.043	
19	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 2: Đoạn từ đường ĐT757 đến nhà Nguyễn Văn Học.	C	0,55	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	393.430.618	61.325	61.325	61.325	
20	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 10: Đoạn từ nhà Trần Văn Sỹ đến nhà Võ Truyền Sang.	C	0,2	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	143.065.679	22.300	22.300	22.300	
21	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Đoạn từ nhà Vương Như Ba đến nhà Nguyễn Thị Cẩn.	C	0,87	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	622.335.705	97.005	97.005	97.005	
22	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 4: Đoạn từ đường ĐT 757 đến nhà Nguyễn Văn Thực; Từ nhà Nguyễn Thị Thắm đến nhà Trần Thị Hương.	C	0,2	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	145.324.050	22.300	22.300	22.300	
23	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 9: Đoạn từ nhà Trần Duy Nam đến nhà Hoàng Minh Phúc.	C	1,1	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	799.282.278	122.650	122.650	122.650	
24	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 11: Đoạn từ nhà Trần Ngọc Lưu đến nhà Lê Huy Sắc.	C	0,155	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	112.626.139	17.283	17.283	17.283	

Sit	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng dự toán (đồng)	Khối lượng xi măng tính hỗ trợ (theo dự toán được duyệt)	Khối lượng xi măng đã nghiệm thu, bàn giao đến các thôn (Căn cứ biên bản nghiệm thu)	Khối lượng xi măng đã quyết toán (theo hồ sơ quyết toán)	Ghi chú
25	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Đoạn từ nhà Cao Đình Đức đến nhà Nguyễn Ngọc Em.	C	0,6	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	435.972.152	66.900	66.900	66.900	
II	Năm 2022		2,5			339.080	339.080		Chưa quyết toán xi măng
1	Đường bê tông xi măng thôn 7: Từ nhà Đỗ Xuân Đoạt đến nhà Nguyễn Văn Dũng; Từ đất ông Nguyễn Văn Chí đến đất ông Nguyễn Văn Minh.	C	0,89	730/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND huyện	645.582.132	99.235	99.235		
2	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Nguyễn Như Tú đến ông Nguyễn Văn Giâm	C	0,47	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	341.179.214	52.405	52.405		
3	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Phùng Quang Hiền đến ông Đình Công Hiền.	C	0,6	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	435.547.933	66.900	66.900		
4	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Tống Bá Sỹ đến ông Nguyễn Đình Hải	C	0,2	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	145.182.644	22.300	22.300		
5	Đường BTXM: Thôn 8, từ ông Lưu Đình Kỳ đến ông Đoàn Thị Thúy	C	0,34	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	246.810.495	37.910	37.910		
6	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Đoạn từ nhà Nguyễn Đình Xuất đến nhà Nguyễn Văn Dũng.	B		1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	659.358.242	60.330	60.330		
TỔNG CỘNG			16,37		12.625.011.281	2.181.180	2.181.180		



BIỂU SỐ 03
TÌNH HÌNH THANH TOÁN CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BTXM NĂM 2021, 2022
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-T.Tr ngày 25/9/2024 của Thanh tra huyện)

Stt	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán (số, ngày, tháng, năm)	Tổng dự toán	Trong đó			Giá trị hợp đồng: mua vật liệu + cước vận chuyển	Giá trị thanh toán	Chênh lệch
						Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng (kg)	Kinh phí vật liệu + Cước vận chuyển	Kinh phí nhân công + ca máy			
1	2	3	4	5	6	7	8	9			
A	Năm 2021		13,870		10.810.708.863	1.623.706	7.269.359.776	3.541.349.087	7.269.293.763	7.269.293.763	
1	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Đình Nhật đến nhà Phạm Văn Nghĩa.	B	0,26	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	271.666.032	44.921	187.464.697	84.201.335	187.426.000	187.426.000	
2	Đường BTXM liên thôn 1 và thôn 11.	B	0,3	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	313.460.806	51.832	216.305.420	97.155.386	216.298.000	216.298.000	
3	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Mai Ngọc Cảnh đến nhà Nguyễn Văn Liễu.	C	0,2	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	157.873.836	22.300	108.791.630	49.082.206	108.789.000	108.789.000	
4	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Lê Xuân Hiệp đến nhà Ngô Văn Tám.	C	0,95	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	749.900.722	105.925	516.760.242	233.140.480	516.760.000	516.760.000	
5	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Đinh Thị Lan đến nhà Trần Văn Hòa.	C	1,05	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	828.837.640	117.074	571.156.056	257.681.584	571.156.000	571.156.000	
6	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Danh Thị Sáu đến nhà Tô Văn Tường.	C	0,225	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	177.608.066	25.087	122.390.584	55.217.482	122.386.000	122.386.000	
7	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Từ nhà Trần Công Thuật đến nhà Lê Văn Chính.	C	0,5	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	394.684.590	55.750	271.979.074	122.705.516	271.979.000	271.979.000	
8	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Từ nhà Bùi Thị Hậu đến nhà Nguyễn Văn Khoa; Từ nhà Nguyễn Văn Tỉnh đến nhà Nguyễn Hải.	C	0,77	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	607.814.269	85.855	418.847.774	188.966.495	418.846.676	418.846.676	
9	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Văn Hai đến nhà Đỗ Hữu Lai.	C	0,75	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	592.026.886	83.625	407.968.612	184.058.274	407.968.000	407.968.000	
10	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Văn Đức đến nhà Nguyễn Trọng Lâm.	C	0,92	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	726.219.647	102.580	500.441.498	225.778.149	500.441.357	500.441.357	
11	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Từ nhà Nguyễn Văn Đông đến nhà Bùi Việt Chất.	C	0,73	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	576.239.502	81.395	397.089.449	179.150.053	397.088.000	397.088.000	

Đvt: đồng

Stt	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán (số, ngày, tháng, năm)	Tổng dự toán	Trong đó			Giá trị hợp đồng: mua vật liệu + cước vận chuyển	Giá trị thanh toán	Chênh lệch
						Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng (kg)	Kinh phí vật liệu + Cước vận chuyển	Kinh phí nhân công + ca máy			
12	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 8: Từ nhà Kiếu Đình Lợi đến nhà Nguyễn Thị Tài.	C	0,415	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	327.588.210	46.272	225.742.632	101.845.578	225.742.000	225.742.000	
13	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 9: Từ đường DT757 đến nhà Trần Duy Nam.	C	0,55	854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện	434.153.050	61.325	299.176.982	134.976.068	299.176.730	299.176.730	
14	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Đoạn từ nhà Nguyễn Đình Xuất đến nhà Nguyễn Văn Dũng.	B	0,7	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	659.358.242	120.942	432.662.340	226.695.902	432.662.000	432.662.000	
15	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Đoạn từ nhà Trần Thị Chi đến nhà Lê Văn Chiến.	C	0,33	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	236.058.371	36.795	153.900.334	82.158.037	153.900.000	153.900.000	
16	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Đoạn từ nhà Tạ Quang Trường đến nhà Đoàn Văn Hiệp.	C	0,6	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	429.197.038	66.900	279.818.789	149.378.249	279.817.000	279.817.000	
17	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Lê Văn Hùng đến nhà Đặng Xuân Tài; Đường vào nghĩa trang thôn 1.	C	0,55	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	393.430.618	61.325	256.500.556	136.930.062	256.500.000	256.500.000	
18	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Từ nhà Vũ Văn Đăng đến nhà Lê Đức Sỹ; Từ nhà Phạm Xuân Hùng đến nhà Bùi Thị Kim Thanh.	C	0,395	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	282.554.717	44.042	184.214.036	98.340.681	184.213.000	184.213.000	
19	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 2: Đoạn từ đường DT757 đến nhà Nguyễn Văn Học.	C	0,55	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	393.430.618	61.325	256.500.556	136.930.062	256.500.000	256.500.000	
20	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 10: Đoạn từ nhà Trần Văn Sỹ đến nhà Võ Truyền Sang.	C	0,2	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	143.065.679	22.300	93.272.929	49.792.750	93.272.000	93.272.000	
21	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Đoạn từ nhà Vương Như Ba đến nhà Nguyễn Thị Cần.	C	0,87	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	622.335.705	97.005	405.737.243	216.598.462	405.736.000	405.736.000	
22	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 4: Đoạn từ đường DT 757 đến nhà Nguyễn Văn Thực; Từ nhà Nguyễn Thị Thắm đến nhà Trần Thị Hương.	C	0,2	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	145.324.050	22.300	93.687.430	51.636.620	93.688.000	93.688.000	
23	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 9: Đoạn từ nhà Trần Duy Nam đến nhà Hoàng Minh Phúc.	C	1,1	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	799.282.278	122.649	515.280.864	284.001.414	515.280.000	515.280.000	
24	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 11: Đoạn từ nhà Trần Ngọc Lưu đến nhà Lê Huy Sắc.	C	0,155	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	112.626.139	17.282	72.607.758	40.018.381	72.607.000	72.607.000	

Stt	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán (số, ngày, tháng, năm)	Tổng dự toán	Trong đó			Giá trị hợp đồng: mua vật liệu + cước vận chuyển	Giá trị thanh toán	Chênh lệch
						Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng (kg)	Kinh phí vật liệu + Cước vận chuyển	Kinh phí nhân công + ca máy			
25	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Đoạn từ nhà Cao Đình Đức đến nhà Nguyễn Ngọc Em.	C	0,6	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện	435.972.152	66.900	281.062.291	154.909.861	281.062.000	281.062.000	
B	Năm 2022		2,50		1.814.302.418	278.750	1.168.844.663	645.457.755	1.165.683.000	1.165.683.000	
1	Đường bê tông xi măng thôn 7: Từ nhà Đỗ Xuân Đoat đến nhà Nguyễn Văn Dung; Từ đất ông Nguyễn Văn Chí đến đất ông Nguyễn Văn Minh.	C	0,89	730/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND huyện	645.582.132	99.235	415.799.171	229.782.961	414.694.000	414.694.000	
2	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Nguyễn Như Tú đến ông Nguyễn Văn Giám	C	0,47	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	341.179.214	52.405	219.833.156	121.346.038	219.000.000	219.000.000	
3	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Phùng Quang Hiền đến ông Đình Công Hiền.	C	0,6	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	435.547.932	66.900	280.638.071	154.909.861	279.989.000	279.989.000	
4	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Tống Bá Sỹ đến ông Nguyễn Đình Hải	C	0,2	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	145.182.644	22.300	93.546.024	51.636.620	93.000.000	93.000.000	
5	Đường BTXM: Thôn 8, từ ông Lưu Đình Kỳ đến ông Đoàn Thị Thủy	C	0,34	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	246.810.496	37.910	159.028.241	87.782.255	159.000.000	159.000.000	
	TỔNG CỘNG		16,37		12.625.011.281	1.902.456	8.438.204.439	4.186.806.842	8.434.976.763	8.434.976.763	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 04
GIÁ TRỊ THU HỐI GỖ LÀM KHE CO DẪN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BTXM NĂM 2020, 2021
DO UBND XÃ LONG HÀ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-T.Tr ngày 25/9/2024 của Thanh tra huyện)

Stt	Danh mục công trình	Quyết định phê duyệt dự toán	Cấp đường thiết kế	Chiều dài (m)	Tổng dự toán	Dự toán được duyệt đối với hạng mục gỗ làm khe co dẫn			Giá trị gỗ thực hiện làm khe co, dẫn	Giá trị giảm trừ chi phí cắt khe mặt đường BTXM			Giá trị giảm trừ khối lượng gỗ thực tế làm ván khuôn mặt đường BTXM		Giá trị thu hồi
						Khối lượng gỗ làm khe co dẫn (m ³)	Đơn giá gỗ làm khe co dẫn	Thành tiền gỗ làm khe co dẫn		Số lượng khe cắt mặt đường BTXM	Đơn giá tính trên 01 khe cắt	Thành tiền chi phí cắt khe mặt đường BTXM	Khối lượng gỗ làm ván khuôn (m ³)	Thành tiền gỗ làm ván khuôn	
1	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 7: Đoạn từ nhà Nguyễn Đình Xuất đến nhà Nguyễn Văn Dũng.	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	B	350	329.679.121	2,744	3.700.000	10.152.800	-	69	15.557	1.073.452	1,51	5.587.000	3.492.348
2	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Nguyễn Như Tú đến ông Nguyễn Văn Giám	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	C	470	341.179.214	2,76	3.800.000	10.501.680	-	93	13.374	1.243.782	1,77	6.726.000	2.531.898
3	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Phùng Quang Hiền đến ông Đình Công Hiền.	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	C	600	435.547.932	3,53	3.800.000	13.406.400	-	119	13.374	1.591.506	2,25	8.550.000	3.264.894
4	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Tống Bá Sỹ đến ông Nguyễn Đình Hải	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	C	200	145.182.644	1,18	3.800.000	4.468.800	-	39	13.374	521.586	0,76	2.888.000	1.059.214
5	Đường BTXM: Thôn 8, từ ông Lưu Đình Kỳ đến ông Đoàn Thị Thủy	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	C	340	246.810.496	2,00	3.800.000	7.596.960	-	67	13.374	896.058	1,28	4.864.000	1.836.902
TỔNG CỘNG				1.960	1.498.399.407	12,211		46.126.640				5.326.384	7,57	28.615.000	12.185.256

** Ghi chú:

- + Qua kiểm tra thực tế các tuyến đường BTXM, đơn vị thi công không chèn gỗ tại vị trí khe co dẫn, chỉ tiến hành cắt khe trên mặt đường BTXM theo chiều vuông góc với trục tìm đường, khoảng cách giữa các khe cắt 5m, chiều sâu khe cắt từ 2,5cm -3cm, chiều dài khe cắt 3m đến 3,5m tùy theo cấp đường thiết kế.
- + Đơn giá cắt khe mặt đường BTXM được xác định tại thời điểm thi công và theo Công văn số 454/KTHT ngày 22/12/2022, Công Văn 447/KTHT ngày 01/8/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.
- + Khối lượng gỗ làm ván khuôn tính theo Công văn số 160/KTHT ngày 05/6/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và thực tế quá trình thi công.



BIỂU SỐ 05
GIÁ TRỊ THU HỜI CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BTXM DO MỘT PHÂN TUYẾN ĐƯỜNG ĐẦU TƯ ĐI QUA ĐẤT CỦA CÁC HỘ DÂN
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-T.Tr ngày 25/9/2024 của Thanh tra huyện)

Sst	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Quyết định phê duyệt dự toán	Chiều dài tuyến đường theo dự toán được phê duyệt (km)	Đơn vị tính	Định mức hao phí vật liệu tính trên 1km	Chiều dài đoạn đường đi qua thửa đất của các hộ dân (km)	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị thu hồi	Ghi chú
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10=8*9	11
I	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long; Từ nhà Bùi Thị Hậu đến nhà Nguyễn Văn Khoa; Từ nhà Nguyễn Văn Tinh đến nhà Nghiêm Hải.	C	số 125a/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND xã Long Hà	0,77						47.833.314	
	Chi phí vật liệu (Ngân sách nhà nước hỗ trợ)										
1	Xi măng				Kg	111.500	0,07	7.805	1.250	9.756.250	
2	Cát vàng đỏ bê tông				m3	323.304	0,07	22.63	575.197	13.017.444	
3	Đá 4x6				m3	395,7	0,07	27,70	394.982	10.940.606	
4	Đá 2x4				m3	10,8	0,07	0,76	290.606	219.698	
5	Đá 1x2				m3	386,07	0,07	27,02	424.982	11.484.962	
6	Đá 0.5x1				m3	14,7	0,07	1,03	290.606	299.034	
7	Gỗ làm khe co dãn				m3	5,88	0,07	0,41	3.700.000	1.522.920	
8	Chi phí vận chuyển xi măng				Kg			7.805	75,9	592.400	
II	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 1: Đoạn từ nhà Tạ Quang Trường đến nhà Đoàn Văn Hiệp.	C	số 197/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND xã Long Hà	0,6						181.721.963	
	Chi phí vật liệu (Ngân sách nhà nước hỗ trợ)										
1	Xi măng				Kg	111.500	0,3	33.450	1.250	41.812.500	
2	Cát vàng đỏ bê tông				m3	323.304	0,3	96,99	481.080	46.660.526	
3	Đá 4x6				m3	396	0,3	118,71	320.000	37.987.200	
4	Đá 2x4				m3	10,8	0,3	3,24	300.000	972.000	
5	Đá 1x2				m3	386,07	0,3	115,82	380.000	44.011.467	
6	Đá 0.5x1				m3	14,7	0,3	4,41	300.000	1.323.000	
7	Gỗ làm khe co dãn				m3	5,88	0,3	1,76	3.700.000	6.526.800	
8	Chi phí vận chuyển xi măng				Kg			33.450	72,6	2.428.470	
III	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long; Đoạn từ nhà Vương Như Ba đến nhà Nguyễn Thị Cẩn.	C	số 223/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND xã Long Hà	0,87						16.354.977	
	Chi phí vật liệu (Ngân sách nhà nước hỗ trợ)										
1	Xi măng				Kg	111.500	0,027	3,011	1.250	3.763.125	
2	Cát vàng đỏ bê tông				m3	323.304	0,027	8,73	481.080	4.199.447	
3	Đá 4x6				m3	396	0,027	10,68	320.000	3.418.848	
4	Đá 2x4				m3	10,8	0,027	0,29	300.000	87.480	
5	Đá 1x2				m3	386,07	0,027	10,42	380.000	3.961.032	
6	Đá 0.5x1				m3	14,7	0,027	0,40	300.000	119.070	
7	Gỗ làm khe co dãn				m3	5,88	0,027	0,16	3.700.000	587.412	
8	Chi phí vận chuyển xi măng				Kg			3,011	72,6	218.562	

Đvt: đồng

Sút	Tên công trình	Cấp đường thiết kế	Quyết định phê duyệt dự toán	Chiều dài tuyến đường theo dự toán được phê duyệt (km)	Đơn vị tính	Định mức hao phí vật liệu tính trên 1km	Chiều dài đoạn đường đi qua thửa đất của các hộ dân (km)	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị thu hồi	Ghi chú
IV	Đường BTXM: Thôn 6, từ ông Phùng Quang Hiền đến ông Đình Công Hiến.	C	số 264/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND xã	0,6						23.968,161	
	Chi phí vật liệu (Ngân sách nhà nước hỗ trợ)										
1	Xi măng				Kg	111.500	0,040	4.460	1.250	5.575.000	
2	Cát vàng đỏ bê tông				m ³	323.304	0,040	12,93	450.000	5.819.472	
3	Đá 4x6				m ³	396	0,040	15,83	320.000	5.064.960	
4	Đá 2x4				m ³	10,8	0,040	0,43	350.000	151.200	
5	Đá 1x2				m ³	386,07	0,040	15,44	377.200	5.824.956	
6	Đá 0,5x1				m ³	14,7	0,040	0,59	300.000	176.400	
7	Gỗ làm khe co giãn				m ³	5,88	0,040	0,24	3.800.000	893.760	
8	Chi phí vận chuyển xi măng				Kg			4,460	103,68	462.413	
9	Chi phí vận chuyển cát				m ³			12,93	21.095	272.799	
TỔNG CỘNG										269.878,415	

* Ghi chú:

+ Đơn giá vật liệu xây dựng theo đơn giá tại các Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã (Đơn giá UBND xã ký hợp đồng, thanh toán với Đơn vị cung cấp vật liệu xây dựng)

+ Định mức áp dụng theo Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Bình Phước



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 06

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ THỐNG NHẤT SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN, CHƯA THAM MƯU
UBND HUYỆN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-T.Tr ngày 25/9/2024 của Thanh tra huyện)

Stt	Tên công trình	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	Xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1, từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa thôn Bù ka 1	3	4	5
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn 6	Số 615/QĐ-UBND 19/4/2022 của UBND huyện	1.597.000.000	
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn 9	Số 1145/QĐ-UBND 17/6/2022 của UBND huyện	900.000.000	
4	Sửa chữa nhà văn hoá thôn 7	Số 1149/QĐ-UBND 17/6/2022 của UBND huyện	900.000.000	
		Số 1298/QĐ-UBND 27/6/2022 của UBND huyện	210.000.000	

